

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/3/2022
“Về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu, bà Ngô Thị Thời.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 422/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị L**, sinh năm 1970.

ĐKHKT: Khu 5, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 99 C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: **Anh Đinh Kim Đ**, sinh năm 1968.

ĐKHKT và nơi cư trú: Số 196 H, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: + **Anh Đinh Kim Đ1**, sinh năm 1996.

+ **Anh Đinh Kim T**, sinh năm 2002

Đều có địa chỉ: Số 99 C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị L; vắng mặt anh Đ, anh Đ1, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị L trình bày: Chị với anh Đinh Kim Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã H, tỉnh Hải Dương ngày 10/6/1995. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp ngay từ thời gian đầu chung sống do anh Đ có tính gia trưởng, thường xuyên vô cớ gây sự, chửi mắng chị. Khi có con chung, anh Đ cũng không

chia sẻ, không hỗ trợ chị chăm lo gia đình và bỏ mặc chị tự nuôi con ăn học, tự lo việc cho các con. Chị nhiều lần góp ý nhưng anh Đ không tiếp thu mà còn chửi mắng chị thậm tệ hơn, nhiều lần còn đánh chị. Mặt khác gia đình chồng thường có lời nói, hành động coi thường và xúc phạm chị nhưng anh Đ bỏ mặc, không can thiệp làm cho cuộc sống của chị luôn căng thẳng, áp lực. Chị đã nhiều lần khởi kiện xin ly hôn và anh Đ đều hứa hẹn sẽ sửa đổi nên chị lại rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng sau đó anh Đ không thay đổi tính cách và lối sống dẫn đến cuộc sống chung vẫn không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau cả về vật chất và tình cảm từ giữa năm 2020 đến nay. Hiện chị không còn niềm tin và không còn tình cảm với anh Đ nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Đ.

Chị với anh Đ có hai con chung là Đinh Kim Đ1- sinh ngày 24/8/1996 và Đinh Kim T- sinh ngày 09/8/2002. Các con đã thành niên nên chị không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là anh Đinh Kim Đ trình bày thống nhất với chị Đỗ Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra to tiếng cãi nhau vì những lý do nhỏ nhặt trong cuộc sống hằng ngày. Vì giận dữ nên thỉnh thoảng chị L bỏ về nhà để ở một thời gian rồi lại quay về. Cách đây vài tháng, vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị L bỏ nhà đi ở chỗ khác đến nay chưa quay về đoàn tụ cùng anh. Anh thừa nhận làm được đồng nào giữ lại đồng đấy mà không kịp thời hỗ trợ về kinh tế với chị L để chăm lo cho con cái. Tuy nhiên việc anh giữ thu nhập là để tiết kiệm thành những khoản lớn để mua đất, làm nhà cho các con nhưng vì chủ mảnh đất anh muốn mua chưa làm xong giấy tờ nên hiện anh vẫn chưa mua được nhà đất cho con. Hiện các con đã trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm lo xây dựng gia đình cho các con.

Anh nhất trí không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng hai con chung đã thành niên là Đinh Kim Đ1- sinh ngày 24/8/1996, Đinh Kim T- sinh ngày 09/8/2002 và nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại các văn bản gửi cho Tòa án, anh Đinh Kim Đ1 và anh Đinh Kim T (con chung của chị L và anh Đ) đều trình bày: Cuộc sống của anh Đ, chị L không hạnh phúc do thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm chí nhiều lần va chạm, đánh nhau. Nguyên nhân là do tính tình anh Đ cục cằn, không quan tâm đến gia đình; bỏ mặc chị L tự lo toan kinh tế, chăm sóc con cái. Chị L nhiều lần bỏ nhà đi ở nơi khác nhưng vì thương con nên lại quay về đoàn tụ với anh Đ. Tuy nhiên số lần hai bên xảy ra cãi nhau ngày càng nhiều, ngày càng gay gắt hơn làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Tình trạng này kéo dài nhưng không có biện pháp khắc phục nên từ giữa năm 2020 ba mẹ con đã thuê nhà ở chỗ khác. Anh Đ1, anh T

đều đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị L ly hôn anh Đ để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống.

Qua xác minh, đại diện khu dân cư nơi anh Đ cư trú phản ánh: Quá trình chung sống tại địa phương, anh Đ và chị L thường xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, thậm chí nhiều lần xảy ra va chạm do tính cách khác biệt và mâu thuẫn về kinh tế. Khu dân cư nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được và đã sống ly thân nhiều tháng nay.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì chị không còn niềm tin, không còn tình cảm với anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Đinh Kim Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã H (*nay là phường C, thành phố H*), tỉnh Hải Dương vào ngày 10/6/1995. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị L phù hợp với trình bày của anh Đinh Kim Đ1, anh Đinh Kim T và phản ánh của đại diện khu dân cư. Vì vậy có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị L và anh Đ thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, va chạm với nhau do anh Đ tính tình nóng nảy, gia trưởng và do mâu thuẫn về kinh tế. Quá trình làm việc với tòa án, anh Đ cũng thừa nhận không hỗ trợ, chia sẻ về kinh tế với chị L trong việc lo toan học hành và công việc cho các con. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trong nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục. Thực tế chị L đã nhiều lần khởi kiện xin ly hôn anh Đ rồi lại rút đơn nhưng đến nay vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được. Anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trong suốt thời gian sống ly thân và dịp tết Nguyên Đán vừa qua, anh Đ chưa lần nào tìm gặp để động viên chị L quay về. Anh Đ trình bày do anh bận đi làm nên không có thời gian để tìm gặp, thuyết phục chị L đã thể hiện anh không thật sự thiện chí đoàn tụ cùng chị L. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ; anh Đ không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh Đ có hai con chung là Đinh Kim Đ1- sinh ngày 24/8/1996, Đinh Kim T- sinh ngày 09/8/2002. Hiện các con chung đã thành niên, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Đinh Kim Đ.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2020/0001554 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy